



VIETFUND
MANAGEMENT

ĐIỂM TIN THÁNG 10.2015

Được phát hành vào ngày 12/11/2015



MỤC LỤC

Kinh Tế Vĩ Mô Và Thị Trường Chứng Khoán Tháng 10/2015

Kinh Tế Vĩ Mô

Thị Trường Chứng Khoán

Tình Hình Hoạt Động Và Đầu Tư Của Quỹ

Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam (VFMVF1)

Quỹ Đầu Tư Doanh Nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VFMVF4)

Quỹ Đầu Tư Năng Động Việt Nam (VFMVFA)

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam (VFMVFB)

Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 10/2015

KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG MẠNH HƠN TRONG NĂM 2016

Quốc hội Việt Nam đã thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP cho năm 2016 là 6,7% cao hơn mức tăng trưởng dự kiến của năm 2015 là 6,5%. Mục tiêu này tiếp tục khẳng định xu hướng phục hồi và tăng trưởng của kinh tế Việt Nam từ năm 2012 tới nay và cao hơn đáng kể so với tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 5,88%/năm. Khi các tiền đề cho việc tăng trưởng kinh tế mạnh hơn ngày càng rõ ràng, các dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2016 đều được điều chỉnh tăng. Gần đây nhất, Ngân hàng ANZ đã đưa ra dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2016 là 6,9%. Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, các khu vực kinh tế lớn như Mỹ, Châu Âu, Trung Quốc có dự báo tăng trưởng được điều chỉnh giảm bởi các tổ chức có uy tín như World Bank, IMF và OECD, việc Việt Nam có thể trở thành điểm sáng của kinh tế thế giới (cùng với Ấn độ và Philipine) đã thu hút được nhiều sự quan tâm của người đầu tư.

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

Việc hoàn tất đàm phán Hiệp định Kinh tế Xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã trở thành tâm điểm của sự quan tâm trong tháng 10/2015. Các lợi ích của TPP đối với kinh tế Việt Nam là rõ ràng khi Việt Nam là nước được hưởng lợi nhiều nhất từ TPP. Việt Nam đang đứng trước cơ hội tăng trưởng và thu hút đầu tư nước ngoài. Hết tháng 10/2015, tổng vốn FDI đăng ký đạt 19,3 tỷ USD và vốn giải ngân đạt 11,5 tỷ USD (tương đương 85,2% số giải ngân trong năm 2014). TPP sẽ trở thành một động lực chính cho sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam và dự kiến có hiệu lực vào năm 2018. Trong các năm trước khi hiệp định có hiệu lực, Việt Nam sẽ là tâm điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các ngành được hưởng lợi từ TPP bao gồm các ngành sản xuất sợi vải, dệt may, logistic.

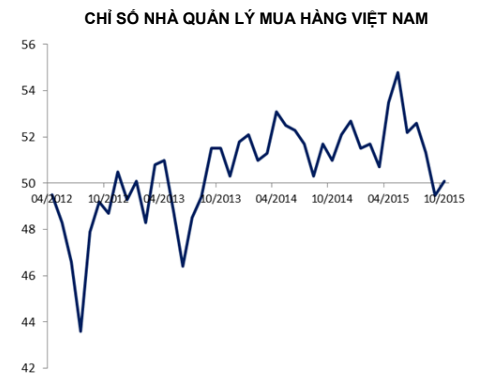
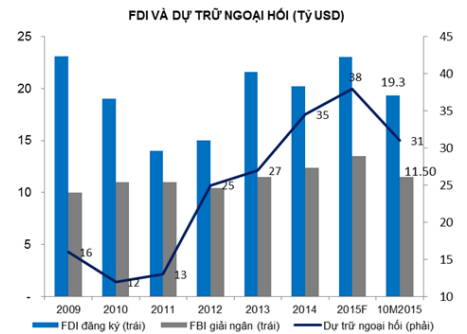
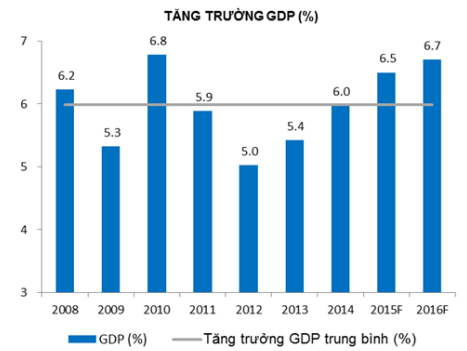
SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP ỔN ĐỊNH VÀ NIỀM TIN GIA TĂNG

Chỉ số Nhà quản lý mua hàng Việt Nam (PMI) tháng 10 đã tăng lại ở mức 50,1 điểm so với mức 49,5 điểm trong tháng 9. **Chỉ số đã thể hiện việc sản xuất công nghiệp sau các tháng có sự thụ hẹp đã quay lại ngưỡng tăng trưởng.** Bên cạnh đó chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam tháng 9/2015 do ANZ-Roy Morgan công bố đạt 135,3 điểm tăng 1,6 điểm so với tháng 8/2015 thể hiện niềm tin của người tiêu dùng Việt Nam là lạc quan đối với tình hình kinh tế 12 tháng tới và trong 5 năm tới. **Mức điểm số trung bình của chỉ số này trong năm 2015 đạt 138 điểm, cao hơn đáng kể so với mức 133 điểm trong năm 2014.** Về chi tiết, 50% số người tiêu dùng cho rằng tình hình tài chính Việt Nam sẽ tốt hơn trong 12 tháng tới và 61% người tiêu dùng (tăng 6% so với tháng 8) cho rằng sẽ tốt hơn trong 5 năm tới trong khi số lượng người cho rằng kinh tế sẽ ở trạng thái xấu không đổi ở mức 7%. Biến động của chỉ số cho thấy sự lạc quan đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới.

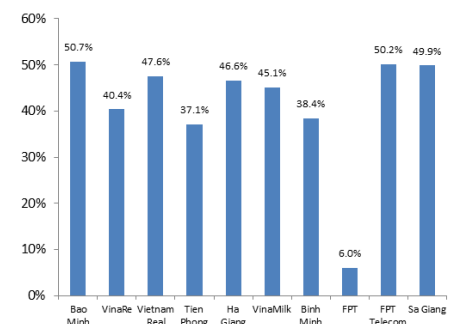
CỔ PHẦN HÓA, THOÁI VỐN NHÀ NƯỚC VÀ TÍN HIỆU CHO NỀN KINH TẾ

Việc công bố thoái vốn nhà nước tại 10 công ty lớn và đẩy mạnh cổ phần hóa đã gửi một tín hiệu mạnh mẽ tới thị trường về việc thay đổi phương thức quản lý đối với doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển thị trường chứng khoán. Bên cạnh số tiền dự kiến trên 3 tỷ USD thu về cho ngân sách nhà nước, việc thoái vốn tại các doanh nghiệp sẽ góp phần tăng quy mô và thanh khoản cho thị trường tạo nên sự hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài bên cạnh việc nâng sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các doanh nghiệp niêm yết. Với sự khởi đầu này, chính phủ sẽ tiếp tục thoái vốn tại các doanh nghiệp. Với quy mô và thanh khoản thị trường tăng, thị trường chứng khoán Việt Nam đang dần hội tụ đủ các điều kiện để được ra nhập các thị trường thuộc chỉ số thị trường mới nổi của MSCI.

BIỂU ĐỒ



SỞ HỮU NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THOÁI VỐN



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 10/2015

DÒNG TIỀN ĐẦU TƯ ĐÓN ĐẦU KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2015 GIÚP CHỈ SỐ VN-INDEX VƯỢT MỐC KHÁNG CỰ 600 ĐIỂM

Tháng 10 năm 2015 vừa khép lại với diễn biến giao dịch khá tích cực về điểm số và thanh khoản. VN-Index kết thúc tháng duy trì trên mức 600 điểm, động lực chính là kết quả kinh doanh khả quan của những mã chủ chốt của thị trường cùng lực mua trở lại của Nhà đầu tư nước ngoài. Trong tháng, có thời điểm thị trường cũng được tác động tích cực từ thông tin thoái vốn của Chính phủ với một số cổ phiếu quan trọng như VNM, BMP, FPT, VNR, BMI. Dòng tiền chảy mạnh vào nhóm xây dựng, vật liệu xây dựng, Ngân hàng, Tài chính, Bất động sản và thực phẩm – đồ uống. Kết thúc tháng 10, VN-Index đóng cửa tại 607,37 điểm, tăng 44,73 điểm, tương đương tăng 7,95% so với cuối tháng 9. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt gần 2,62 tỷ cổ phiếu tăng 33% so với tháng 9. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt gần 46 ngàn tỷ đồng tăng 37% so với tháng 9 năm 2015.

Thị trường có 9 ngày giao dịch giảm điểm đã lấy mất đi 2,61% điểm số VN-Index và 13 ngày giao dịch tăng điểm giúp VN-Index phục hồi lại được 5,34%. Thị trường dao động theo xu hướng tăng điểm, đã có một số phiên cố gắng tiếp cận điểm kháng cự 590 và 600 nhưng phần lớn đều thất bại do động thái bán ra của Nhà đầu tư tại những điểm kháng cự, nhưng những phiên giao dịch sôi động cuối tháng giúp thị trường vượt điểm kháng cự 600. Dòng tiền vẫn tìm đến những cổ phiếu thuộc ngành Ngân hàng, Bảo hiểm, Bất động sản, Thực phẩm – đồ uống và những cổ phiếu đầu cơ. Những cổ phiếu giúp thị trường tăng điểm như: VNM (giúp VN-Index tăng 1,97%), VCB (giúp VN-Index tăng 1,18%), BVH (giúp VN-Index tăng 0,91%), VIC (giúp VN-Index tăng 0,64%) và CTG (giúp VN-Index tăng 0,41%). Ngược lại những cổ phiếu làm VN-Index giảm điểm gồm có MBB (làm VN-Index giảm 0,1%), HAG (làm VN-Index giảm 0,05%), KDC (làm VN-Index giảm 0,04%), PDR và HVG (làm VN-Index giảm 0,03%).

THÔNG TIN NHƯ HOÀN THÀNH TPP, SCIC THOẠI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI MỘT SỐ DOANH NGHIỆP LỚN GIÚP NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TỰ TIN QUAY LẠI MUA RÒNG

Sau tháng 9 giao dịch không tích cực do ảnh hưởng từ những bất ổn của kinh tế thế giới, thị trường chứng khoán đã đón nhận những thông tin vô cùng tích cực như: i) Hiệp định TPP sau 5 năm đàm phán cuối cùng cũng hoàn tất; ii) Thông tin SCIC sẽ thoái vốn nhà nước khỏi 10 doanh nghiệp hàng đầu; iii) Kết quả kinh doanh Quý 3 của các doanh nghiệp niêm yết tốt giúp khối nhà đầu tư Nước ngoài quay trở lại giao dịch khởi sắc và mua ròng sau hai tháng bán ròng liên tiếp. Trong tháng 10, trên sàn HOSE, Nhà đầu tư Nước ngoài mua ròng 71,72 triệu cổ phiếu với giá trị tương ứng lên đến 1.114 tỷ đồng. Khối Ngoại tập trung mua ròng những cổ phiếu như MBB 644 tỷ đồng, BVH 142 tỷ đồng, SSI 127 tỷ đồng, NT2 97 tỷ đồng, DPM 87 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các cổ phiếu bị bán ròng mạnh gồm có MSN -174 tỷ đồng, CII -170 tỷ đồng, HAG -135 tỷ đồng, HSG -107 tỷ đồng và KDC -87 tỷ đồng. Trên sàn HNX, Nhà đầu tư Nước ngoài cũng mua ròng hơn 6 triệu đơn vị, tương ứng trị giá 88 tỷ đồng. TIG được mua ròng 30 tỷ đồng, CEO 24 tỷ đồng, SCR 17 tỷ đồng và SHB 9 tỷ đồng, trong khi đó bán ròng mạnh các cổ phiếu VTP -25 tỷ đồng, PVC -22 tỷ đồng, PCT -13 tỷ đồng và BVS -11 tỷ đồng. Tổng kết 10 tháng đầu năm 2015, khối nhà đầu tư Nước ngoài đã có 7 tháng mua ròng và 3 tháng bán ròng với giá trị mua ròng đạt gần 4.500 tỷ đồng.

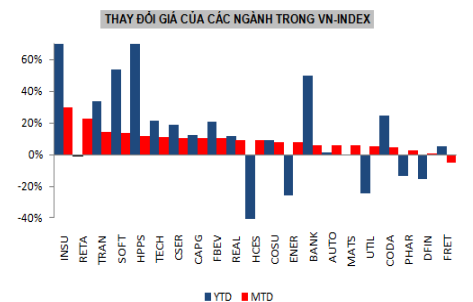
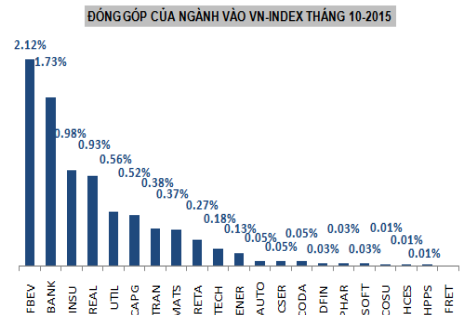
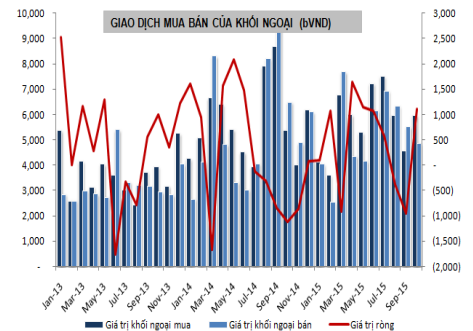
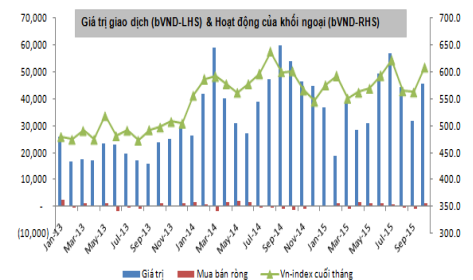
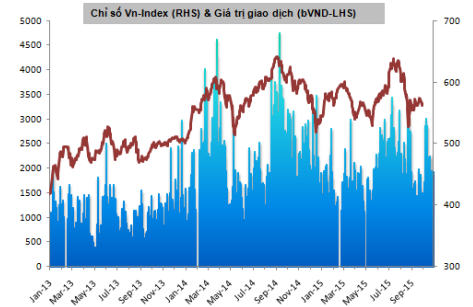
Về hoạt động của 2 Quỹ ETF: Dòng tiền ETF đã quay trở lại trong tháng 10, Quỹ Market Vectors Vietnam ETF (VNM) hút vốn 17 triệu USD và Quỹ DB X-Tracker FTSE Vietnam Index ETF cũng thu hút vốn 7 triệu USD. Tổng mua ròng của 2 Quỹ ETF là 24 triệu USD trong tổng số 51 triệu USD mua ròng của khối Nhà đầu tư Nước ngoài.

KINH TẾ VĨ MÔ TIẾP TỤC TỐT CÙNG VỚI VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN QUÝ 3/2015 KHẢ QUAN GIÚP NHÀ ĐẦU TƯ TỰ TIN ĐỀ MUA THÊM

Thị trường trong tháng 10 chứng kiến diễn biến khá tích cực với hàng loạt thông tin hỗ trợ như: Kết thúc đàm phán TPP với kết quả thành công, kết quả kinh doanh quý 3 khả quan của các doanh nghiệp niêm yết, Nhà đầu tư Nước ngoài quay trở lại thị trường đã giúp thị trường vượt qua ngưỡng cản mạnh 590-600. Tháng 11, Thị trường cũng sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ những yếu tố tích cực như: i) Kinh tế vĩ mô khả quan với mức tăng trưởng GDP theo đánh giá của Chính phủ với con số 6,5%-6,6% cho cả năm 2015; ii) Kết quả kinh doanh quý 3 của các Doanh nghiệp niêm yết sẽ tiếp tục thu hút dòng tiền vào các cổ phiếu; iii) Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn nằm trong nhóm cổ phiếu Chính phủ thoái vốn sẽ tiếp tục thu hút dòng tiền; iv) Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII sẽ đưa ra nhiều quyết định quan trọng về kinh tế cho giai đoạn 2016-2020 nhằm đạt mức tăng trưởng GDP 6,5-7% mà chính phủ đề ra trong giai đoạn này.

Về phân tích kỹ thuật, VN-Index đã qua giai đoạn tích lũy, khối lượng giao dịch đang duy trì quanh mức trung bình 20 phiên (108 triệu cổ phiếu) và vượt qua ngưỡng cản mạnh 600 vào cuối tháng 10 tạo mặt bằng điểm số mới. Với những yếu tố tích cực ở trên, Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ tiếp tục khởi sắc trong những tháng còn lại của năm. Chúng tôi dự đoán Vn-index trong tháng 11 sẽ dao động theo xu hướng tăng ổn định trong vùng điểm 610-630, tạo hiệu ứng tích cực cho thị trường tăng bền vững trong nửa đầu năm 2016.

BIỂU ĐỒ



QUỸ VFMVF1

Tháng 10 - 2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF1
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	20/05/2004
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	08/10/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VSC, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.95%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VND)	685.8
Số lượng CCQ đang lưu hành	28,292,473.0
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VND)	24,241.8
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VND)	19,207.2
Tỷ lệ chi phí (%)	2.3
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	91.5

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVF1 tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn. Cổ phiếu được lựa chọn theo phương pháp bottom-up, dựa trên mô hình kinh doanh, lợi nhuận dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng dòng tiền ổn định, và chất lượng của đội ngũ quản lý. Trong một số trường hợp, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Tháng 10, Quỹ VFMVF1 tăng trưởng 6.8%, cao hơn tăng trưởng của chỉ số tham chiếu VFMVF1-Benchmark 0.4%, càng làm nới rộng khoảng cách giữa tăng trưởng lợi nhuận giữa quỹ và chỉ số tham chiếu. Lũy kế từ đầu năm thì tỷ suất lợi nhuận của VFMVF1 đạt 16.7%, trong khi chỉ số tham chiếu chỉ có 10.0%.

Các cổ phiếu có đóng góp nhiều nhất trong lợi nhuận của quỹ trong tháng là Thực phẩm, NGK & Thuốc lá (VNM, DBC), Bất động sản (KDH, VIC, DXG), Ngân hàng (VCB), Công nghệ (FPT) trong khi ngành Dệt may (TCM) là ngành duy nhất bị điều chỉnh giảm sau khi tăng mạnh trong tháng trước.

Đáng chú ý, cổ phiếu đứng đầu danh mục VNM chiếm đến 1/3 tỷ suất lợi nhuận trong tháng 10. VNM vừa công bố kết quả quý 3 rất ấn tượng, doanh thu đạt 29,765 tỷ (hoàn thành 75% kế hoạch), +16% yoy, NPAT đạt 5,877 tỷ, hoàn thành 86% kế hoạch, +35% yoy. Bên cạnh đó thông tin thoái vốn của SCIC, có thể dẫn đến việc mở room khối ngoại cho VNM, cũng là yếu tố giúp tăng giá cho cổ phiếu VNM khi nhu cầu đầu tư từ nhà đầu tư nước ngoài vào VNM khá lớn. Tương tự, FPT và BMP cũng được hỗ trợ nhiều từ thông tin thoái vốn của SCIC.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

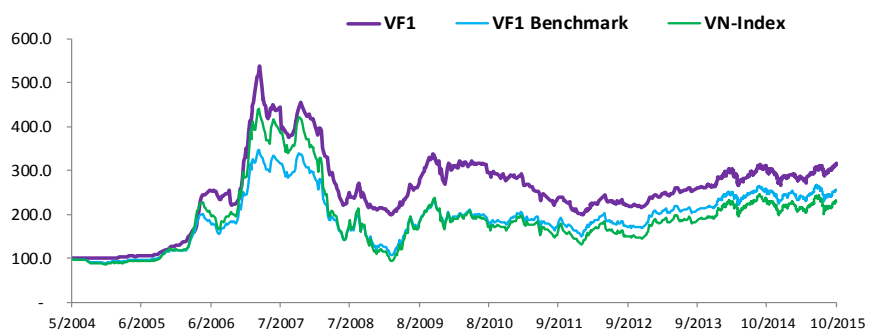
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVF1	24,241.3	6.8	3.3	16.7	5.7	215.9 (**)
VN1-Benchmark	257.5	6.4	(1.4)	10.0	1.9	157.5
VN-Index	607.4	8.0	(2.2)	11.3	1.1	132.2
HNX-Index	82.2	5.5	(3.4)	(0.9)	(6.6)	n/a

(*) VFMVF1 Benchmark = 80% VN-Index + 20% Bond Index 1Y

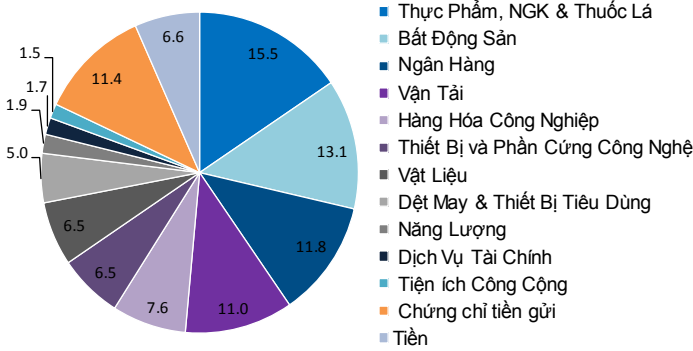
(**) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

20/05/2004 = 100



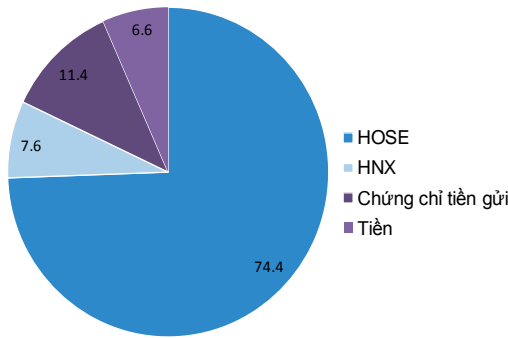
CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



10 CỔ PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn	% NAV
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	11.9
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	6.5
CII	Vận Tải	HOSE	5.2
TCM	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	HOSE	5.0
BMP	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	4.6
VCB	Ngân Hàng	HOSE	4.4
VIC	Bất Động Sản	HOSE	3.8
SKG	Vận Tải	HOSE	3.8
DBC	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HNX	3.6
HPG	Vật Liệu	HOSE	3.5

CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF1	VNIndex
P/E trung vị	9.9	9.9
P/E	10.9	11.9
P/B trung vị	1.9	1.1
P/B	1.9	1.8
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	21.9	15.7
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.6	3.8
Số lượng cổ phiếu	27	309

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạn mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF1	VNIndex
Hệ số Beta	0.8	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	16.9	17.3
Hệ số Sharpe	0.0	(0.0)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ chấp nhận, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF4
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	28/02/2008
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	16/12/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.93%
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi.
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	321.9
Số lượng CCQ đang lưu hành	29,433,054.8
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,937.3
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,737.4
Tỷ lệ chi phí (%)	2.4
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	108.1

Bà Phan Thị Thu Thảo - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư.

Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VFMVF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ. Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn, Quỹ VFMVF4 cũng có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

VF4 trong tháng 10 tiếp tục hưởng lợi từ sức hút của thị trường chứng khoán và tăng trưởng ấn tượng 8.3%, cao hơn VNIndex 0.3%. So với đầu năm, NAV/ccq của VF4 đã tăng 21.8% đến cuối tháng 10. Hầu hết các cổ phiếu trong danh mục đều tăng trưởng cao trong tháng 10, điển hình các cổ phiếu có mức tăng cao hơn thị trường như: VNM 18%, VSC 17.4%, BMP và SJS xấp xỉ 16%, VCB, FPT, KBC cũng tăng trên 10% trong tháng. Cơ cấu danh mục của Quỹ cũng đã linh động thay đổi cho phù hợp với biến động của thị trường, trong đó: VF4 đã bán thực hiện hóa lợi nhuận thành công MBB (đứng đầu danh mục với 12.7% NAV tại 30/9/2015) với giá cao hơn giá thị trường sau khi cổ phiếu này bị hờ room ngoại hơn 40 triệu cổ phiếu trong tháng 10 do phát hành cho cổ đông chiến lược; nâng tỷ trọng VNM đáng kể từ 10.6% NAV lên 13.5% NAV và giải ngân mới vào cổ phiếu BMP và VSC. VNM trở thành tâm điểm của thị trường khi có nhiều thông tin hỗ trợ cho giá cổ phiếu tăng, từ kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm tăng trưởng rất tốt so với cùng kỳ năm trước (lợi nhuận sau thuế hoàn thành 86% kế hoạch năm, đạt 5,877 tỷ và tăng 35% so với năm trước), tới dự kiến thoái vốn của SCIC với kỳ vọng mở giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

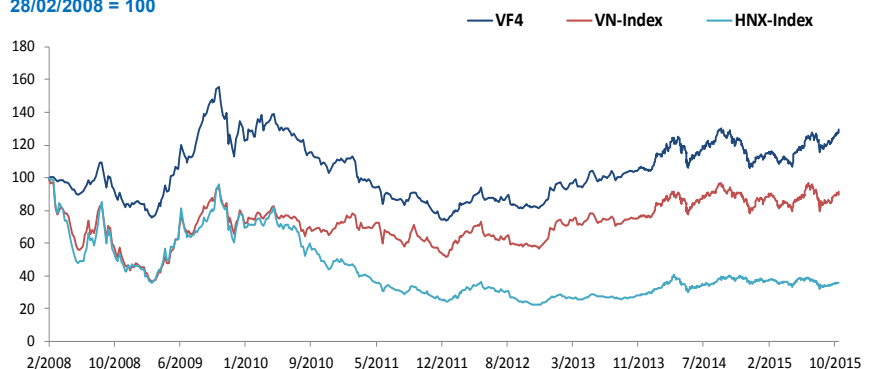
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VFMVF4	10,937.3	8.3	3.4	21.8	5.8	29.4 (*)
VN-Index	607.4	8.0	(2.2)	11.3	1.1	(8.4)
HNX-Index	82.2	5.5	(3.4)	(0.9)	(6.6)	(64.0)

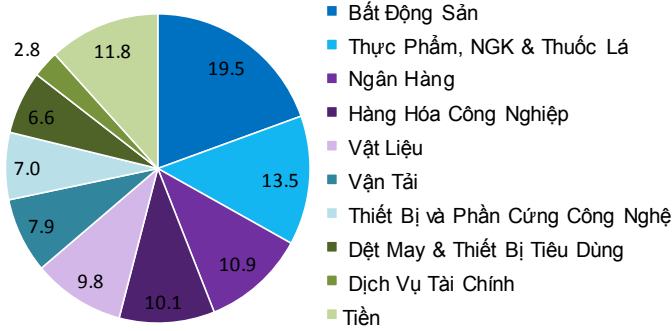
(*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI INDEX

28/02/2008 = 100



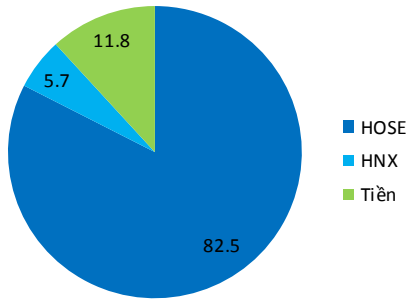
CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



10 CỔ PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn	% NAV
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	13.5
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	7.0
BMP	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	6.8
TCM	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	HOSE	6.6
VCB	Ngân Hàng	HOSE	4.9
HPG	Vật Liệu	HOSE	4.6
VIC	Bất Động Sản	HOSE	4.6
CII	Vận Tải	HOSE	4.5
SJS	Bất Động Sản	HOSE	4.2
KDH	Bất Động Sản	HOSE	4.1

CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF4	VN-Index
P/E trung vị	12.2	9.9
P/E bình quân gia quyền	11.8	11.9
P/B trung vị	1.7	1.1
P/B bình quân gia quyền	1.9	1.8
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	19.7	15.7
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.4	3.8
Số lượng cổ phiếu	22	309

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF4	VN-Index
Hệ số Beta	0.9	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	16.5	17.3
Hệ số Sharpe	0.0	(0.0)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu Tư Năng Động Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFA
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	02/04/2010
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	18/04/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Đại lý chuyển nhượng	VSD
Đại lý phân phối	VFM, HSC, VCSC, KIS, VDSC, FPT
Phí quản lý	Tối đa 2%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% - 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0.5% - 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	68.6
Số lượng CCQ đang lưu hành	9,185,261.7
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	7,711.6
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	6,835.7
Tỷ lệ chi phí 12 tháng (%)	2.9
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	186.6

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Trong tháng 10 năm 2015 thị trường cổ phiếu Việt Nam tăng khá mạnh khi mà VN-Index tăng đến 8.0% vượt mức 600 điểm. Cùng thời điểm chỉ số nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN30-Index tăng ít hơn so với toàn thị trường với mức 6.7%. Trong tháng nhóm cổ phiếu về Bảo hiểm và Bán lẻ tăng nhiều nhất với mức tăng tương ứng 29.7% và 22.6%. Tuy nhiên trong tháng nhóm Thực phẩm-Nước giải khát và Ngân hàng là hai nhóm đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng của VN-Index tương ứng 2.17% và 1.67%. Kết thúc tháng, NAV/CCQ của Quỹ VFMVFA đạt 7,467.2 đồng/ccq, tăng trưởng 5.3% so với tháng trước.

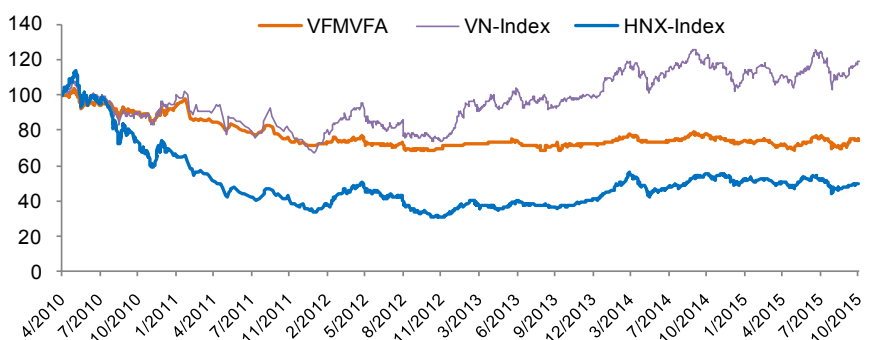
Trong tháng 10/2015, thị trường cổ phiếu nhìn chung tăng điểm nhưng có thời điểm nhiều cổ phiếu có xu hướng đảo chiều giảm vì thế các chiến lược đã thực hiện giảm mức đầu tư vào cổ phiếu. Cho nên cơ cấu tài sản của Quỹ có thay đổi đáng kể so với tháng trước khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giảm xuống mức 58.4% NAV và còn lại 41.6% NAV Quỹ thực hiện đầu tư vào các tài sản phi rủi ro như tiền gửi kỳ hạn.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

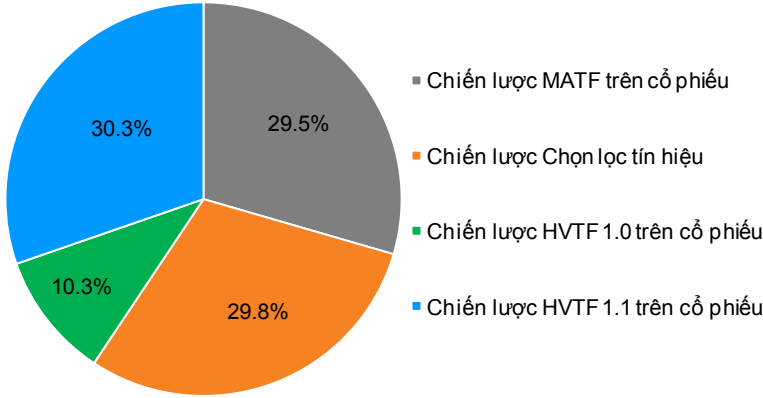
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (02/4/2010)
VFMVFA	7,467.2	5.3	(1.4)	2.1	(1.5)	(25.3)
VN-Index	607.4	8.0	(2.2)	11.3	1.1	19.0
HNX-Index	82.2	5.5	(3.4)	(0.9)	(6.6)	(49.9)
VN30-Index	619.2	6.7	(4.3)	2.9	(3.1)	15.9

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

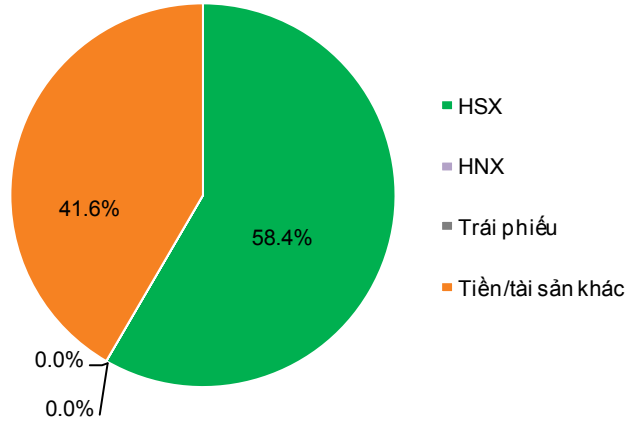
02/04/2010 = 100



CƠ CẤU DANH MỤC THEO CHIẾN LƯỢC (%NAV)



CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ RỦI RO

	VFA	VN-Index
Hệ số Beta	0.5	1.0
Độ lệch chuẩn trung bình năm (%)	10.3	17.3
Hệ số Sharpe	(0.6)	(0.03)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ...	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

QUỸ VFMVFB

Tháng 10 - 2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFB
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	10/06/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	0.9%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.3% đến 0.6% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Ngày thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thỏa mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VND)	93.7
Số lượng CCQ đang lưu hành	7,549,122.3
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng	12,414.3
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng	11,761.5
Vòng quay tài sản trong năm	459.5

Ông Trần Lê Minh - Quản lý danh mục đầu tư
ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489
Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Thông tư số 15/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng có hiệu lực từ ngày 5/10/2015 đã góp phần quan trọng vào sự sôi động của thị trường trái phiếu trong tháng 10 2015 bên cạnh mục tiêu chính là ổn định thị trường ngoại hối (xem đồ thị biến động tỷ giá VND-USD). Việc hạn chế giao dịch ngoại tệ đã làm cho thanh khoản tiền Việt Nam đồng trong hệ thống ngân hàng tăng lên và trái phiếu đã nhận được sự quan tâm trở lại của các tổ chức tín dụng. Giá trị giao dịch trực tiếp trên thị trường thứ cấp trong tháng 10 tăng 16,8% so với tháng 9 2015, đạt hơn 46 nghìn tỷ đồng, giá trị bình quân phiên trong tháng 10 cũng tăng 11,5% so với tháng 9. Thị trường phát hành sơ cấp cũng có những biến động mạnh. Giá trị trái phiếu chính phủ phát hành thành công trong tháng 10 đạt 12.954 tỷ đồng cho các trái phiếu kỳ hạn 5, 10 và 15 năm (so với giá trị phát hành thành công trong tháng 9 là 2.503 tỷ), nâng tỉ lệ phát hành thành công trên giá trị gọi thầu lên 81,47% (tháng 9: 16,7%). Bên cạnh trái phiếu chính phủ, các trái phiếu chính phủ bảo lãnh do VDB và VBSP phát hành cũng đã bán thành công trong tháng 10 với giá trị tương ứng là 11.300 tỷ đồng và 700 tỷ đồng.

Sự quan tâm trở lại từ các ngân hàng đã đẩy lợi suất trái phiếu chính phủ các kỳ hạn đi xuống. Lợi suất trái phiếu các kỳ hạn dưới 5 năm đã giảm trong tháng 10, lợi suất kỳ hạn 1 năm có mức giảm mạnh nhất (14,2 điểm cơ bản), tiếp theo là lợi suất kỳ hạn 2 và 3 năm có mức giảm tương ứng là 9,6 và 5,3 điểm cơ bản. Lợi suất trái phiếu các kỳ hạn trên 5 năm gần như không có sự thay đổi trong tháng 10 so với tháng 9. Tuy nhiên lãi suất trúng thầu phát hành sơ cấp trái phiếu kỳ hạn 5 năm đã giảm từ mức 6,65% xuống 6,63% trong phiên đấu thầu cuối cùng của tháng 10, mức giảm này đã gửi các tín hiệu cho việc lãi suất tiếp tục có xu hướng giảm trong tháng 11 2015.

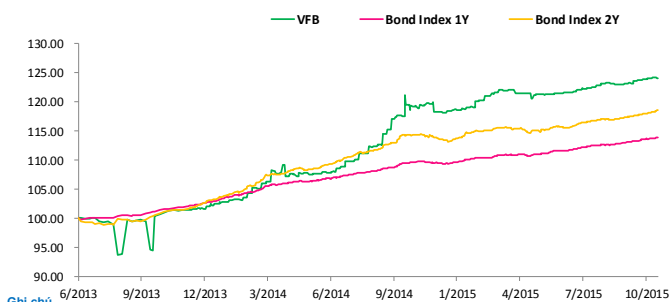
Tại 31/10/2015 NAV/CCQ Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt nam đạt 12.414.26 đồng/CCQ, tăng 0,32% so với tháng trước và tăng 4,62% so với thời điểm đầu năm. Trong tháng 10, quỹ VFMVFB đã thực hiện bán trái phiếu kỳ hạn ngắn và đầu tư vào trái phiếu chính phủ kỳ hạn 3,7 năm trước xu hướng gia tăng thanh khoản và xu hướng giảm của lợi suất trái phiếu các kỳ hạn trên thị trường. Với việc tích cực giao dịch để tìm kiếm lợi nhuận, tỷ suất quay vòng vốn của quỹ VFMVFB tại thời điểm cuối tháng 10 là 382%, tương đương tỷ suất quay vòng vốn cho cả năm là 462%.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (10/6/2013)
VFMVFB	12,414.3	0.3	1.0	4.6	24.1
Bond-Index 1 năm	204.7	0.5	1.3	3.9	13.9
Bond-Index 2 năm	220.6	0.7	1.5	4.2	18.6

TĂNG TRƯỞNG NAV (*) SO VỚI BOND_INDEX (**)

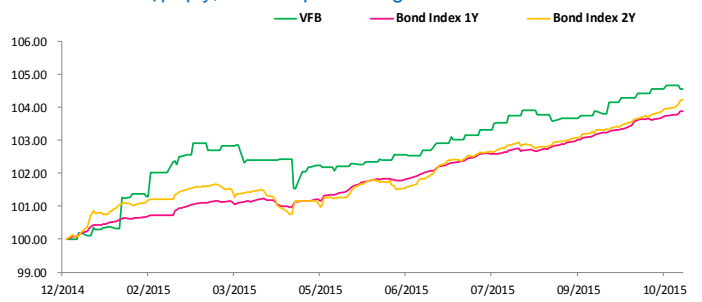
Biểu đồ trái: kể từ khi thành lập quỹ; Biểu đồ phải: trong năm 2015



Ghi chú

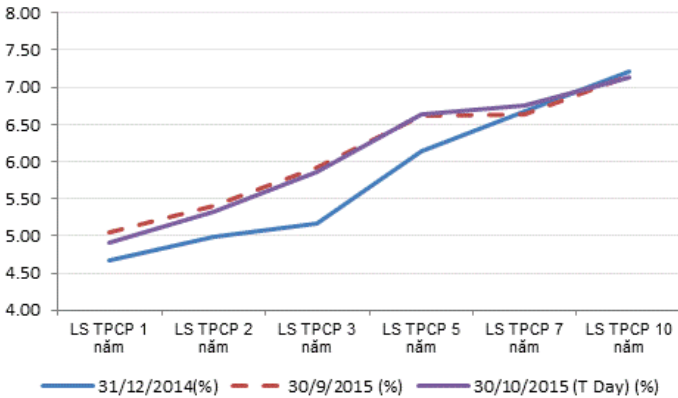
(*) NAV của quỹ VFMVFB có biến động mạnh vào thời điểm ngày 8/8 và 26/9/2013 do thị trường xuất hiện các giao dịch với giá bất thường (mức độ chênh lệch giá lên tới 5% so với mặt bằng giá thị trường) của trái phiếu quỹ đang nắm giữ. Với phương pháp xác định NAV áp dụng trước thời điểm 1/10/2013, Quỹ VFMVFB bắt buộc phải định giá tài sản theo giá giao dịch bất thường nêu trên. NAV của quỹ sẽ không còn bị tác động bởi giá giao dịch bất thường nêu trên sau 2 tuần hoặc có các giao dịch khác xuất hiện trên thị trường. Các biến động này hoàn toàn mang tính kỹ thuật và không phản ánh chính xác tình hình hoạt động của quỹ. Sau ngày 1/10/2013, quỹ VFMVFB sẽ không bị tác động bởi các biến động bất thường tương tự.

(**) Chỉ số trái phiếu 1 năm và 2 năm do Dragon Capital Debt Management Limited thực hiện. Bản quyền thuộc về Dragon Capital Group. VFM sử dụng các chỉ số này với sự cho phép của Dragon Capital Group.

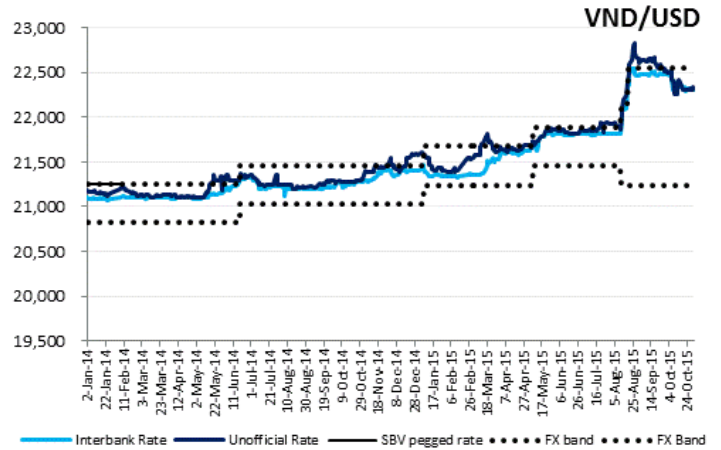


THÔNG TIN CHUNG THỊ TRƯỜNG

ĐƯỜNG CONG LỢI TỨC

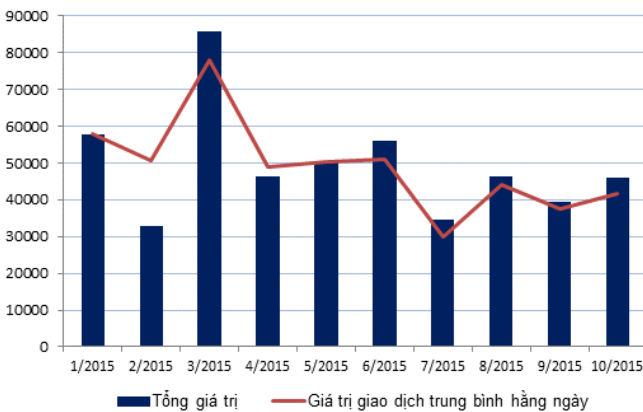


TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI

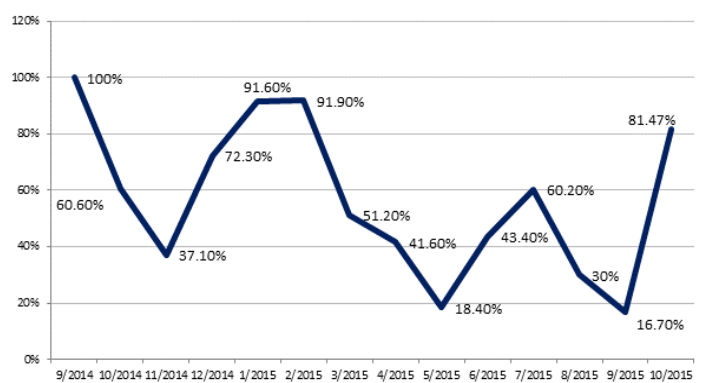


Bond Yield Changes	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm
31/12/2014 (%)	4.67	4.99	5.16	6.15	6.69
30/9/2015 (%)	5.05	5.41	5.92	6.63	6.63
15/10/2015 (%)	4.96	5.38	5.93	6.63	6.76
30/10/2015 (T Day) (%)	4.91	5.32	5.87	6.63	6.76
T Day -14 Change (Bp)	8.62	3.12	(1.13)	(0.63)	(12.92)
T Day -30 Change (Bp)	(14.17)	(9.58)	(5.33)	0.50	12.50
T Day - 31/12/2014 Change (Bp)	38.12	42.50	75.75	47.87	(5.17)

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TRỰC TIẾP TRÁI PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP NĂM 2015 (tỷ đồng)



TỶ LỆ PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG SO VỚI GỢI THẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP



KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

ETF VFMVN30

Tháng 10 - 2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	ETF VFMVN30
Mã giao dịch	E1VFN30
Mã trên Bloomberg	E1VFN30 VN Equity
Sàn niêm yết	HOSE
Loại hình quỹ	Quỹ hoán đổi danh mục
Chỉ số tham chiếu	VN30-Index
Tiền tệ	VNĐ
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đơn vị cung cấp chỉ số	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Thành viên lập quỹ	HSC, BVSC
Tổ chức tạo lập thị trường	HSC
Lô chứng chỉ quỹ ETF	1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ ETF.
Tần suất giao dịch hoán đổi	Hàng ngày
Phí quản lý	0.65%/NAV/năm
Phí phát hành	Miễn phí
Phí mua lại	Từ 0% đến 0.15%
Phân phối lợi nhuận	Hàng năm

Tổng giá trị tài sản ròng (tỷ VNĐ)	375.1
Số lượng CCQ đang lưu hành	38,000,000
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,331.2
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,531.4
Tỷ lệ chi phí bình quân năm (%)	1.08
Mức sai lệch sv chỉ số tham chiếu (%)	1.37

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. **Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu đối với Quỹ ETF VFMVN30.**

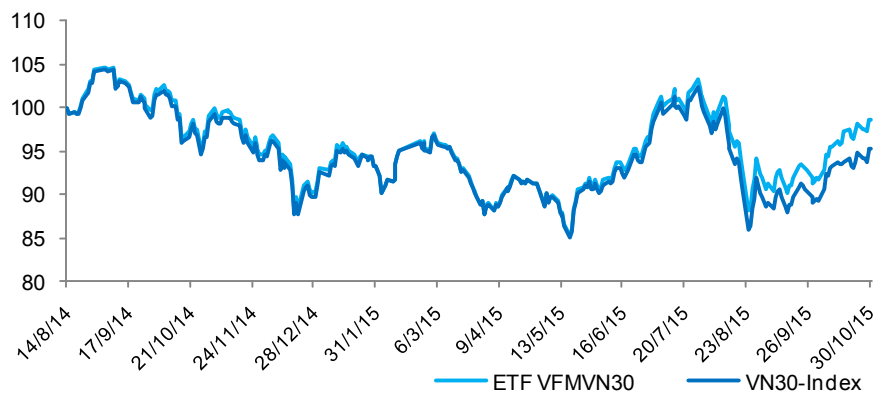
Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

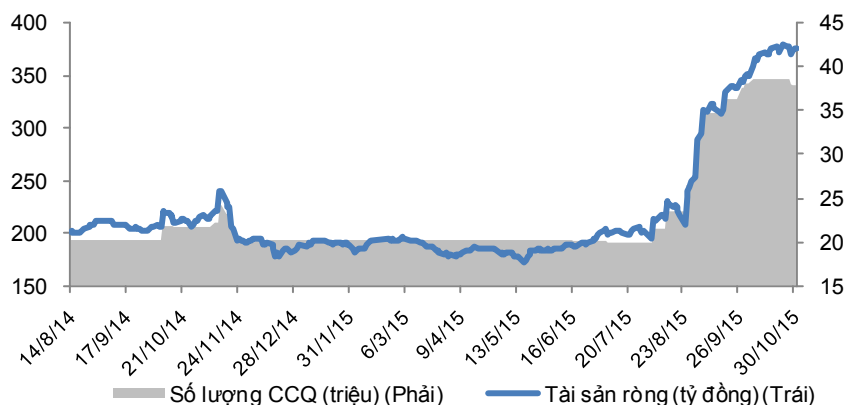
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Luỹ kế từ khi kết thúc đăng ký góp vốn (14/8/2014)
		1 tháng	3 tháng	Luỹ kế từ đầu năm	Luỹ kế 12 tháng	
ETF VFMVN30	9,871.7	7.8	(1.8)	6.0	(0.3)	(1.3)
VN30-Index	619.2	6.7	(4.3)	2.9	(3.1)	(4.7)

NAV ETF VFMVN30 VÀ CHỈ SỐ THAM CHIẾU

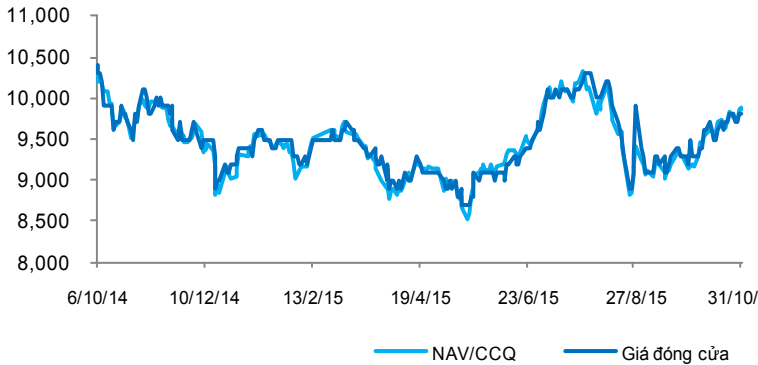
14/08/2014 = 100



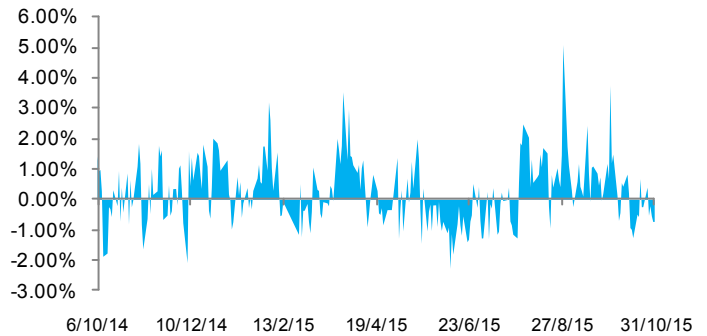
TÀI SẢN RÒNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ



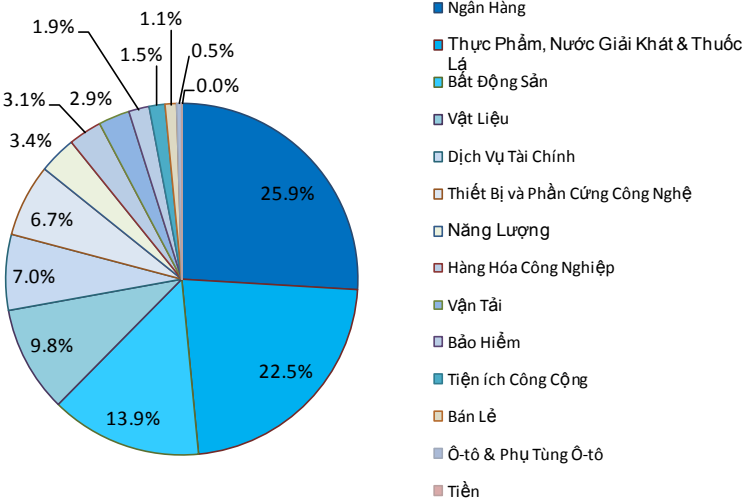
NAV/CCQ VÀ GIÁ ĐÓNG CỬA



MỨC CHÊNH LỆCH GIÁ VÀ NAV (+/-)



PHÂN BỐ TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ CƠ BẢN

	ETF VFMVN30
Tỷ suất sinh lời cổ tức (%)	3.53
Hệ số P/E	11.22
Hệ số P/B	1.65
Số lượng cổ phiếu	30

CHỈ SỐ RỦI RO

	ETF VFMVN30
Hệ số Beta so với VN-Index	0.9
Độ biến động bình quân năm (%)	16.4
Tỷ lệ Sharpe	(0.3)

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room	Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room
VNM	395,222	46.6	12.4%	100.0%	BVH	115,690	7.1	1.9%	51.2%
VIC	908,574	41.3	11.0%	70.5%	GMD	147,890	6.3	1.7%	100.0%
MSN	413,770	30.6	8.2%	71.5%	KBC	399,010	5.7	1.5%	62.2%
STB	2,022,921	27.5	7.3%	30.2%	FLC	720,632	5.0	1.3%	25.4%
FPT	507,393	25.0	6.7%	100.0%	HSG	98,360	4.6	1.2%	88.0%
HPG	747,710	23.6	6.3%	80.3%	CII	180,190	4.4	1.2%	77.9%
VCB	453,570	21.6	5.8%	70.1%	KDC	180,190	4.2	1.1%	43.0%
MBB	1,224,561	17.6	4.7%	100.0%	ITA	640,000	4.2	1.1%	33.6%
EIB	1,468,570	17.3	4.6%	87.4%	HHS	217,782	3.9	1.1%	57.8%
SSI	601,268	14.4	3.8%	50.8%	HCM	86,730	3.1	0.8%	100.0%
CTG	635,420	13.2	3.5%	98.6%	HVG	193,080	3.1	0.8%	43.8%
PVD	296,902	10.9	2.9%	75.4%	VSH	174,760	2.9	0.8%	57.1%
HAG	608,170	8.6	2.3%	46.6%	PPC	135,100	2.5	0.7%	29.3%
DPM	257,880	8.5	2.3%	55.7%	PVT	173,400	2.0	0.5%	31.1%
REE	273,520	7.3	2.0%	100.0%	CSM	63,774	1.8	0.5%	30.8%

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



VIETFUND
MANAGEMENT

TRỤ SỞ CHÍNH

Phòng 1701-04, Lầu 17 Tòa nhà Mê Linh Point
2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489
Đường dây nóng: +84 8 3825 1480

VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI

Phòng 903, Lầu 9 Tòa nhà BIDV
194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169

www.vinafund.com